

Bản án số: 48/2025/HS-ST
Ngày 18 -12-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - LẠNG SƠN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bàn Văn Tiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Chu Thị Bời;

Bà Lương Thị Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Hữu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Đức Trọng – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 41/2025/TLST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2025/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 12 năm 2025, Quyết định thay đổi Hội thẩm số 20/2025/QĐ-TA ngày 15 tháng 12 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. La Thanh T, tên gọi khác: Không; sinh ngày 08 tháng 3 năm 1987 tại tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn P, xã T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; T độ học vấn: 10/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông La Trung S và bà Chu Thúy M; vợ, con: Chưa có; tiền án: 01 tiền án, Tại bản án số 26/2018/HSST, ngày 14/8/2018 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 08 (tám) năm tù, phạt bổ sung 5.000.000 đồng về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Đã chấp hành xong ngày 07/02/2024, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 70 Bộ luật Hình sự, bị cáo chưa được xoá án tích.

Nhân thân: **Đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự, cụ thể ngoài tiền án như trên bị cáo còn bị xét xử 02 lần, cụ thể:**

+ Tại bản án số 19/2010/HSST, ngày 28/7/2010 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng về tội Trộm cắp tài sản. Đã chấp hành xong năm 2011 và được xoá án tích.

+ Tại bản án số 68/2015/HSST, ngày 24/12/2015 bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 08 (tám) tháng tù, về tội Trộm cắp tài sản. Đã chấp hành xong ngày 19/5/2016 và được xoá án tích.

Bị cáo chưa bị xử phạt vi phạm hành C, chưa bị xử lý kỷ luật.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn từ ngày 25/6/2025 đến nay, có mặt.

2. Lý Ngọc C, tên gọi khác: Không; sinh ngày 24 tháng 12 năm 1991 tại tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn P, xã T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; T độ học vấn: 09/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn N (đã chết) và bà H Thị N; có vợ: Vương Thị H; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án: Không; tiền sự: Có 01 tiền sự, Tại Quyết định số 33/QĐ-XPHC ngày 07/02/2025 bị Công an huyện T, tỉnh Lạng Sơn xử phạt vi phạm hành C, hình thức xử phạt Cảnh cáo về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy. Căn cứ theo quy định tại Điều 7 Luật xử lý vi phạm hành C, bị cáo chưa được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành C, chưa bị xử lý kỷ luật; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đã bị xử phạt vi phạm hành C như trên, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn từ ngày 25/6/2025 đến nay, có mặt.

3. Triệu Văn T, tên gọi khác: Không; sinh ngày 10 tháng 4 năm 1982 tại tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; T độ học vấn: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu V (đã chết) và bà Vi Thị N; có vợ: Lương Thị E; con: Có 01 con sinh năm 2013; tiền án: Không; tiền sự: Có 02 tiền sự, cụ thể:

+ Tại Quyết định số 17/QĐ-TA, ngày 09/11/2017, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lạng Sơn áp dụng biện pháp xử lý hành C đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc. Đã chấp hành xong ngày 15/11/2019, chưa được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành C.

+ Tại Quyết định số 04/2021/QĐ-TA, ngày 14/5/2021, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lạng Sơn áp dụng biện pháp xử lý hành C đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc. Đã chấp hành xong ngày 08/02/2024. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Luật xử lý vi phạm hành C, bị can chưa được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành C.

Nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đã bị xử phạt vi phạm hành C như trên, chưa bị xử lý kỷ luật.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn từ ngày 25/6/2025 đến nay, có mặt.

4. Bùi Nhật H, tên gọi khác: Không; sinh ngày 07 tháng 9 năm 1992 tại tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số *, thôn *, xã T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; T độ học vấn: 12/12; dân tộc:

Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T và bà Nguyễn H T; có vợ: Trần Thị Bích H (đã ly hôn); con: Có 02 con, đều sinh năm 2023; tiền án: Không; tiền sự: Có 01 tiền sự, cụ thể: Tại Quyết định số 145/QĐ-XPHC, ngày 18/10/2024, bị Công an huyện T, tỉnh Lạng Sơn xử phạt vi phạm hành C, hình thức xử phạt Cảnh cáo về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy, bị cáo đã chấp hành xong, chưa được xóa tiền sự; nhân thân: Đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự, cụ thể: Tại Bản án số 81/2018/HSST, ngày 19/4/2018 bị Toà án nhân dân thị xã T, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 27 (hai mươi bảy) tháng tù, phạt bổ sung 5.000.000 đồng về tội Mua bán trái phép chất ma túy, đã chấp hành xong ngày 20/01/2020 và được xoá án tích; đã bị xử phạt vi phạm hành C, cụ thể: Có 01 tiền sự như trên, ngoài ra tại Quyết định số 105/QĐ-XPHC, ngày 01/7/2020 bị Công an huyện T, tỉnh Lạng Sơn xử phạt vi phạm hành C, hình thức xử phạt Cảnh cáo về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy, bị cáo đã chấp hành xong, đã được xóa; chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn từ ngày 25/6/2025 đến nay, có mặt.

5. Hoàng Văn H, tên gọi khác: Không; sinh ngày 25 tháng 10 năm 1989 tại tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn C, xã Q, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; T độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn T (đã chết) và bà Ngô Thị Y; có vợ: Triệu Thị Y con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án: Không; tiền sự: Có 02 tiền sự, cụ thể: Tại Quyết định số 06/QĐ-UBND, ngày 30/6/2021, bị Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn áp dụng biện pháp xử lý hành C giáo dục tại xã, phường, thị trấn, đã chấp hành xong ngày 30/9/2021, chưa được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành C. Tại Quyết định số 43/QĐ-TA, ngày 16/8/2022, bị Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Lạng Sơn áp dụng biện pháp xử lý hành C đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc, đã chấp hành xong ngày 22/4/2024, chưa được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành C; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đã bị xử phạt vi phạm hành C, cụ thể: Có 02 tiền sự như trên, ngoài ra: Tại Quyết định số 06/QĐ-XPHC, ngày 03/01/2020, bị Công an huyện T, tỉnh Lạng Sơn xử phạt vi phạm hành C, hình thức xử phạt Cảnh cáo về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy, đã chấp hành xong, đã được xóa; chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn từ ngày 25/6/2025, đến ngày 22/9/2025 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông La Trung S, sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn P, xã T, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

2. Bà Đoàn Thị T, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn N, xã Q, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 12 giờ 00 phút ngày 25/6/2025, tổ Công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Công an tỉnh Lạng Sơn làm nhiệm vụ tại khu vực bờ suối cạnh nhà văn hoá thôn N, xã T, tỉnh Lạng Sơn phát hiện 04 đối tượng có biểu hiện nghi vấn sử dụng trái phép chất ma túy, qua kiểm tra xác định các đối tượng gồm: La Thanh T, Lý Ngọc C, cùng trú tại: Thôn P, xã T, tỉnh Lạng Sơn, Triệu Văn T, trú tại: Thôn T, xã T, tỉnh Lạng Sơn và Hoàng Văn H, trú tại: Thôn C, xã Q, tỉnh Lạng Sơn. Các đối tượng đều khai nhận vừa sử dụng trái phép chất ma túy Heroine xong bằng hình thức chích, riêng Hoàng Văn H khai chưa được sử dụng ma túy. Số ma túy trên do các đối tượng cùng góp tiền để La Thanh T mua với Bùi Nhật H, trú tại: Số nhà *, phố H, xã T, tỉnh Lạng Sơn. Tổ công tác đã lập biên bản và tạm giữ các vật chứng để làm căn cứ xử lý gồm: 02 xi lanh đã qua sử dụng, đầu kim có dính chất màu đỏ; 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, biển kiểm soát 18F6-1268; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Wiko màu xanh, số IMEI 1: 35194650675267/02, số IMEI 2: 351946550775364/02, cũ đã qua sử dụng, của La Thanh T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu xanh, số IMEI 1: 867403070280860, số IMEI 2: 867403070280878, cũ đã qua sử dụng của Triệu Văn T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu vàng đồng, số IMEI 1: 355079/08/003422/1, số IMEI 2: 355080/08/003422/9, cũ đã qua sử dụng của Lý Ngọc C.

Cơ quan điều tra đã tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Bùi Nhật H, tạm giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng, số IMEI 1: 353887107813811, số IMEI 2: 353887108274823, cũ đã qua sử dụng.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo khai nhận như sau: Khoảng 10 giờ ngày 25/6/2025, La Thanh T đến quán nước của bà Nguyễn Thị X; trú tại: Thôn *, xã T, tỉnh Lạng Sơn thì gặp Hoàng Văn H, Triệu Văn T và Lý Ngọc C đang ngồi uống nước. Do đều là người nghiện chất ma túy Heroin nên 04 đối tượng đã bàn nhau góp tiền mua ma túy về để cùng nhau sử dụng, C góp 200.000 đồng, T góp 300.000 đồng và T góp 100.000 đồng, H không có tiền nên không góp mà xin sử dụng ma túy cùng. Sau khi góp đủ 600.000 đồng, T gọi điện thoại cho Bùi Nhật H hỏi mua ma túy thì được H đồng ý và hẹn ra công cơ sở điều trị Methadone T. T điều khiển xe mô tô đi mua 04 xi lanh và một gói nước cất để sử dụng ma túy bằng tiền của T rồi đến gặp và đưa cho H 600.000 đồng, H nhận lấy tiền rồi mượn xe mô tô của T để đi lấy ma túy và hẹn T ra khu vực bờ ruộng cạnh ngã ba đường liên thôn N – T. T đi bộ ra điểm hẹn, khoảng 15 phút sau thì H quay lại đưa cho T 01 gói ma túy Heroine. T lấy 01 phần ma túy vừa mua được chia cho H để trả công, 01 phần ma túy còn lại T pha đều với 01 lọ nước cất vào 01 bơm xi lanh, sau đó chia ma túy vừa pha được ra 03 bơm xi lanh còn lại và tự sử dụng hết 01 bơm xi lanh. H cầm lấy số ma túy T đưa cho tự pha vào xi lanh và nước cất tự chuẩn bị từ trước rồi tự mình sử dụng hết. Sau khi sử dụng xong thì H đi về nhà còn T quay lại quán nước rồi cùng với C, T và H đi đến nhà văn hóa thôn N, xã T, tỉnh Lạng Sơn, tại đây T đưa cho T và C mỗi người 01 xi lanh đã pha ma túy để sử dụng bằng hình thức chích, H xin sử dụng ma túy cùng nhưng

C và T không cho, sau khi các đối tượng vừa sử dụng ma túy xong thì bị lực lượng chức năng phát hiện như đã nêu trên.

Về vật chứng vụ án:

- 02 xi lanh đã qua sử dụng của Lý Ngọc C và Triệu Văn T;
- 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, BKS 18F6-1268, cũ đã qua sử dụng do ông La Trung S sở hữu, việc T sử dụng xe để đi mua ma túy với H và cho H mượn để H đi mua ma túy, ông S không biết, không cho phép;
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Wiko màu xanh, số IMEI 1: 35194650675267/02, số IMEI 2: 351946550775364/02, cũ đã qua sử dụng của La Thanh T dùng để liên lạc mua ma túy với H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng, số IMEI 1: 353887107813811, số IMEI 2: 353887108274823, cũ đã qua sử dụng của Bùi Nhật H dùng để liên lạc đi mua ma túy về bán cho T.
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu xanh, số IMEI 1: 867403070280860, số IMEI 2: 867403070280878, cũ đã qua sử dụng của Triệu Văn T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu vàng đồng, số IMEI 1: 355079/08/003422/1, số IMEI 2: 355080/08/003422/9, cũ đã qua sử dụng của Lý Ngọc C không liên quan đến vụ án.

Với nội dung sự việc trên, tại bản Cáo trạng số 11/CT-VKSKV2-HS ngày 18/11/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn đã truy tố bị cáo La Thanh T về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, theo quy định tại các điểm b, h khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Lý Ngọc C, Triệu Văn T bị truy tố về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Bùi Nhật H bị truy tố về tội Mua bán trái phép chất ma túy, theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Hoàng Văn H bị truy tố về tội Không tố giác tội phạm, theo quy định tại khoản 1 Điều 390 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo La Thanh T, Lý Ngọc C, Triệu Văn T, Bùi Nhật H, Hoàng Văn H đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã truy tố là đúng người, đúng tội, không bị oan sai.

Tại cơ quan điều tra ông La Trung S là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan T bày chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, BKS 18F6 -1268, cũ đã qua sử dụng là do ông La Trung S sở hữu, việc T sử dụng xe để đi mua ma túy với H và cho H mượn để H đi mua ma túy, ông S không biết, không cho phép, vì vậy ông S đề nghị trả lại chiếc xe mô tô nêu trên cho ông S. Đối với bà Đàm Thị T tại biên bản lấy lời khai bà không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn trong phần tranh luận, vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố bị cáo La Thanh T phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Căn cứ các điểm b, h khoản 2 Điều 255; Điều 38; Điều 50; Điều 17;

điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo La Thanh T từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù.

2. Tuyên bố các bị cáo Lý Ngọc C, Triệu Văn T phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 38; Điều 50; Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lý Ngọc C từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù. Xử phạt bị cáo Triệu Văn T từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù.

3. Tuyên bố bị cáo Bùi Nhật H phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy. Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Nhật H từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

4. Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn H phạm tội Không tố giác tội phạm. Căn cứ khoản 1 Điều 390; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn H từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

3. Xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 02 xi lanh đã qua sử dụng, đầu kim có dính chất màu đỏ.
- Tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng, đã qua sử dụng của bị cáo Bùi Nhật H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Wiko màu xanh, cũ đã qua sử dụng của bị cáo La Thanh T.
- Trả cho bị cáo Triệu Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu xanh, cũ đã qua sử dụng.
- Trả cho bị cáo Lý Ngọc C 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu vàng đồng, cũ đã qua sử dụng.
- Trả cho ông La Trung S 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, gắn biển kiểm soát 18F6-1268, loại xe mô tô 2 bánh từ 50 – 175 Cm³, màu sơn đen – xám – bạc, số khung: RLHJC3508TY032347 xe cũ đã qua sử dụng, có 02 gương chiếu hậu, 01 chìa khóa xe thu giữ của bị cáo La Thanh T.

Trong phần tranh luận, các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng các bị cáo thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, xử cho các bị cáo mức án thấp nhất để các bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, tuân thủ quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đàm Thị T, ông La Trung S. Hội đồng xét xử nhận thấy những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai tại cơ quan Cảnh sát điều tra và được lưu trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của bà Thảo, ông S không ảnh hưởng đến phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự tiếp tục xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo La Thanh T, Lý Ngọc C, Triệu Văn T, Bùi Ngọc H, Hoàng Văn H: Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng truy tố, lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản thu giữ đồ vật, phù hợp với các tài liệu khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, do đó có đủ cơ sở xác định: Khoảng 10 giờ ngày 25/6/2025, các bị cáo La Thanh T, Lý Ngọc C, Triệu Văn T rủ nhau góp tiền được 600.000 đồng mục đích mua ma túy Heroine để cùng nhau sử dụng. Bị cáo La Thanh T đã mua với bị cáo Bùi Nhật H 01 gói ma túy Heroine với giá 600.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, bị cáo T cho bị cáo H 01 phần ma túy để trả công, phần ma túy còn lại bị cáo T pha với nước cất và chia vào 03 ống xi lanh, tự sử dụng hết 01 ống xi lanh, 02 ống còn lại đưa cho bị cáo T và bị cáo C để cùng nhau sử dụng. Toàn bộ quá trình đó bị cáo Hoàng Văn H được chứng kiến, có điều kiện nhưng bị cáo H không tố giác với Cơ quan chức năng. Đối với bị cáo La Thanh T lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.

[4] Từ những phân tích trên thấy rằng Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn truy tố bị cáo La Thanh T về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại các điểm b, h khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Triệu Văn T, Lý Ngọc C về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự, truy tố bị cáo Bùi Nhật H về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự, truy tố bị cáo Hoàng Văn H về tội “Không tố giác tội phạm” theo quy định tại khoản 1 Điều 390 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo La Thanh T, Lý Ngọc C, Triệu Văn T là rất nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết được việc Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn bất chấp pháp luật, cố tình thực hiện vì mục đích thỏa mãn nhu cầu của bản thân. Hành vi của bị cáo Bùi Nhật H là nghiêm trọng cho xã hội. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết được

việc Mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn bất chấp pháp luật, cố tình thực hiện vì mục đích kiếm lời; hành vi của bị cáo Hoàng Văn H là ít nghiêm trọng, được chứng kiến, có điều kiện nhưng bị cáo H không tỏ giác với Cơ quan chức năng. Do vậy, hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến C sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây nguy hại đến trật tự, an ninh xã hội và là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác. Hành vi phạm tội của các bị cáo bị xã hội lên án mạnh mẽ và bị pháp luật nghiêm cấm.

[6] Để có mức hình phạt phù hợp đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử đánh giá về nhân thân, vai trò, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo như sau:

[7] Về nhân thân: Bị cáo La Thanh T, đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự (xét xử 03 lần), cụ thể: Tại bản án số 19/2010/HSST, ngày 28/7/2010 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng về tội Trộm cắp tài sản. Đã chấp hành xong năm 2011 và được xóa án tích. Tại bản án số 68/2015/HSST, ngày 24/12/2015 bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 08 (tám) tháng tù, về tội Trộm cắp tài sản. Đã chấp hành xong ngày 19/5/2016 và được xóa án tích. Tại bản án số 26/2018/HSST, ngày 14/8/2018 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 08 (tám) năm tù, phạt bổ sung 5.000.000 đồng về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Đã chấp hành xong ngày 07/02/2024, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 70 Bộ luật Hình sự, bị cáo chưa được xóa án tích. Lạm phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.

[8] Bị cáo Lý Ngọc C có 01 tiền sự, tại Quyết định số 33/QĐ-XPHC ngày 07/02/2025 bị Công an huyện T, tỉnh Lạng Sơn xử phạt vi phạm hành C, hình thức xử phạt Cảnh cáo về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy.

[9] Bị cáo Triệu Văn T có 02 tiền sự, tại Quyết định số 17/QĐ-TA, ngày 09/11/2017, bị Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Lạng Sơn áp dụng biện pháp xử lý hành C đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc. Đã chấp hành xong ngày 15/11/2019, chưa được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành C. Tại Quyết định số 04/2021/QĐ-TA, ngày 14/5/2021, bị Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Lạng Sơn áp dụng biện pháp xử lý hành C đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc. Đã chấp hành xong ngày 08/02/2024. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Luật xử lý vi phạm hành C, bị can chưa được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành C.

[10] Bị cáo Bùi Nhật H có 01 tiền sự, cụ thể: Tại Quyết định số 145/QĐ-XPHC, ngày 18/10/2024, bị Công an huyện T, tỉnh Lạng Sơn xử phạt vi phạm hành C, hình thức xử phạt Cảnh cáo về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy. Ngoài ra bị cáo đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự, cụ thể: Tại Bản án số 81/2018/HSST, ngày 19/4/2018 bị Toà án nhân dân thị xã T, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 27 (hai mươi bảy) tháng tù, phạt bổ sung 5.000.000 đồng về tội Mua bán trái phép chất ma túy, đã chấp hành xong ngày 20/01/2020 và được xóa án tích; đã bị xử phạt vi phạm hành C, cụ thể: Có 01 tiền sự như trên, ngoài ra tại Quyết định số 105/QĐ-XPHC, ngày 01/7/2020 bị Công an huyện T, tỉnh Lạng Sơn xử

phạt vi phạm hành C, hình thức xử phạt Cảnh cáo về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy, bị cáo đã chấp hành xong, đã được xóa.

[11] Bị cáo Hoàng Văn H có 02 tiền sự, tại Quyết định số 06/QĐ-UBND, ngày 30/6/2021, bị Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn áp dụng biện pháp xử lý hành C giáo dục tại xã, phường, thị trấn, đã chấp hành xong ngày 30/9/2021, chưa được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành C. Tại Quyết định số 43/QĐ-TA, ngày 16/8/2022, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lạng Sơn áp dụng biện pháp xử lý hành C đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc, đã chấp hành xong ngày 22/4/2024. Ngoài ra tại Quyết định số 06/QĐ-XPHC, ngày 03/01/2020, bị Công an huyện T, tỉnh Lạng Sơn xử phạt vi phạm hành C, hình thức xử phạt Cảnh cáo về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy, đã chấp hành xong, đã được xóa.

[12] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Các bị cáo La Thanh T, Lý Ngọc C, Triệu Văn T tham gia với vai trò là đồng phạm nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn. Về hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, các bị cáo La Thanh T, Lý Ngọc C, Triệu Văn T có vai trò ngang nhau, cụ thể các bị cáo cùng nhau bàn bạc góp tiền và thống nhất để bị cáo T đi mua ma túy về cùng nhau sử dụng. Tuy nhiên, đối với bị cáo T có 02 tình tiết định khung theo điểm b đối với 02 người trở lên và điểm h tái phạm nguy hiểm, theo khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Do đó, khi quyết định hình phạt sẽ có mức án cao hơn đối với các bị cáo Lý Ngọc C và bị cáo Triệu Văn T. Đối với các bị cáo Lý Ngọc C, Triệu Văn T có 01 tình tiết định khung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự, các bị cáo C, T đều có tiền sự, khi quyết định hình phạt sẽ có mức án ngang nhau và mức án thấp hơn đối với bị cáo T.

[13] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo La Thanh T, Lý Ngọc C, Triệu Văn T, Bùi Nhật H, Hoàng Văn H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm Hình sự.

[14] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo La Thanh T, Lý Ngọc C, Triệu Văn T, Bùi Nhật H, Hoàng Văn H tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa đều khai báo thành khẩn nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo La Thanh T có bố đẻ là La Trung S được tặng Huân chương chiến S vẻ vang, Huân chương chiến công hạng Ba, có mẹ đẻ là Chu Thuý M được Huy chương chiến S vẻ vang; bị cáo Bùi Nhật H có ông nội Bùi Văn M được thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba, huy chương kháng chiến hạng Nhất và có bác ruột Bùi Quang T bị chất độc màu da cam chết và bị cáo Bùi Nhật H là người thờ cúng, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Hoàng Văn H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[15] Đối bị cáo Triệu Văn T T bày tại phiên tòa là có bố Triệu V được tặng thưởng nhiều huân chương, huy chương kháng chiến hạng Nhất, Nhì, Ba. Tuy nhiên trong hồ sơ không có tài liệu chứng minh ông Triệu V được tặng

thường huân, huy chương, tại phiên tòa bị cáo cũng không xuất T được nên không được chấp nhận.

[16] Trên cơ sở đánh giá về nhân thân, vai trò, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử sẽ quyết định mức hình phạt phù hợp với từng bị cáo, qua đó giáo dục các bị cáo trở thành người công dân có ích, đồng thời phòng ngừa chung trong xã hội.

[17] Về hình phạt bổ sung: Qua các tài liệu thu thập có trong hồ sơ thể hiện các bị cáo nghiện ma túy, không có tài sản riêng, do đó không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[18] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết toàn bộ vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[19] Về nguồn gốc số ma túy, bị cáo Bùi Nhật H khai sau khi nhận tiền từ bị cáo La Thanh T, bị cáo H đã gọi điện thoại cho T, nhà ở xã T nay là xã Q, tỉnh Lạng Sơn hỏi mua ma túy thì được T đồng ý và hẹn ra chân dốc K, thuộc thôn B, xã T, tỉnh Lạng Sơn để giao dịch. Tại đêm hẹn, T bán cho bị cáo H 01 gói Heroine với giá 600.000 đồng. Căn cứ lời khai của bị cáo Bùi Nhật H, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh đối với Bé Thế T (sinh năm 1999, trú tại: Thôn N, xã Q, tỉnh Lạng Sơn), tuy nhiên T không thừa nhận bán ma túy cho bị cáo H, ngoài lời khai của bị cáo H thì không còn căn cứ nào khác chứng minh nên Cơ quan điều tra đã tách ra để làm rõ trong vụ án khác.

[20] Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy: 02 xi lanh đã qua sử dụng, đầu kim có dính chất màu đỏ. Tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng của bị cáo Bùi Nhật H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Wiko màu xanh của bị cáo La Thanh T. Trả cho ông La Trung S 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, gắn biển kiểm soát 18F6-1268, loại xe mô tô 2 bánh từ 50 – 175 Cm³, màu sơn đen – xám – bạc, số khung: RLHJC3508TY032347 xe cũ đã qua sử dụng, có 02 gương chiếu hậu, 01 chìa khóa xe thu giữ của bị cáo La Thanh T. Trả cho bị cáo Triệu Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu xanh của bị cáo Triệu Văn T. Trả cho bị cáo Lý Ngọc C 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu vàng đồng của bị cáo Lý Ngọc C.

[21] Về án phí: Các bị cáo La Thanh T, Lý Ngọc C, Triệu Văn T, Bùi Nhật H, Hoàng Văn H bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[22] Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo các Điều 331, Điều 332 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điểm b, h khoản 2 Điều 255; Điều 17; Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 47; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 329; Điều 331; Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự đối với bị cáo La Thanh T;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 17; Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 47; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 329; Điều 331; Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự đối với các bị cáo Lý Ngọc C, Triệu Văn T;

Căn cứ khoản 1 Điều 251; Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 47; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 50 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 329; Điều 331; Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự đối với bị cáo Bùi Nhật H;

Căn cứ khoản 1 Điều 390; Điều 38; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 50 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn H;

Căn cứ khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với các bị cáo.

1. Về tội danh:

1.1. Tuyên bố các bị cáo La Thanh T, Lý Ngọc C, Triệu Văn T phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”;

1.2. Tuyên bố bị cáo Bùi Nhật H phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”;

1.3. Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn H phạm tội “Không tố giác tội phạm”.

2. Hình phạt chính:

2.1. Xử phạt bị cáo La Thanh T 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 25/6/2025.

Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2.2. Xử phạt bị cáo Lý Ngọc C 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 25/6/2025.

Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2.3. Xử phạt bị cáo Triệu Văn T 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 25/6/2025.

Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2.4. Xử phạt bị cáo Bùi Nhật H 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 25/6/2025.

Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2.5. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn H 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tính từ ngày bị cáo đi thụ hình, được trừ đi thời hạn tạm giam từ ngày 25/6/2025 đến 22/9/2025.

3. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo

4. Xử lý vật chứng:

4.1. Tịch thu tiêu hủy: 02 xi lanh đã qua sử dụng, đầu kim có dính chất màu đỏ.

4.2. Tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng, số IMEI 1: 353887107813811, số IMEI 2: 353887108274823, cũ đã qua sử dụng, chiếc điện thoại bị vỡ mặt sau của bị cáo Bùi Nhật H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Wiko màu xanh, số IMEI 1: 35194650675267/02, số IMEI 2: 351946550775364/02 cũ đã qua sử dụng của bị cáo La Thanh T.

4.3. Trả cho ông La Trung S 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, gắn biển kiểm soát 18F6-1268, loại xe mô tô 2 bánh từ 50 – 175 Cm3, màu sơn đen – xám – bạc, số khung: RLHJC3508TY032347 xe cũ đã qua sử dụng, có 02 gương chiếu hậu, 01 chìa khóa xe thu giữ của bị cáo La Thanh T. Trả lại bị cáo Triệu Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu xanh, số IMEI 1: 867403070280860, số IMEI 2: 867403070280878 đã qua sử dụng của bị cáo Triệu Văn T. Trả lại bị cáo Lý Ngọc C 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu vàng đồng, số IMEI 1: 355079/08/003422/1, số IMEI 2: 355080/08/003422/9 cũ đã qua sử dụng, điện thoại bị vỡ màn hình của bị cáo Lý Ngọc C.

(Chi tiết toàn bộ số vật chứng nêu trên theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Lạng Sơn và Cơ quan Cảnh sát điều tra (PC04) Công an tỉnh Lạng Sơn ngày 28/11/2025).

5. Về án phí: Buộc các bị cáo La Thanh T, Lý Ngọc C, Triệu Văn T, Bùi Nhật H, Hoàng Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 2 - Lạng Sơn;
- PV06, PC10 Công an tỉnh Lạng Sơn;
- THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Các bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bàn Văn Tiền